CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
Tầng 4, số 167 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04.37346848 Fax: 04.37346838
http://pvgascity.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2018
Số 09 /BC-KĐT

Signature Not Verified
Ký bởi: NGUYỄN THỊ HUỆ
Ký ngày: 22/3/2018 09:20:35

I. Thông tin chung

1. *Thông tin khái quát.*

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**
- Tên Tiếng Anh: PETROVIETNAM GAS CITY INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: PVGAS CITY
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102349865
- Vốn điều lệ: 188.700.000.000 VND (Một trăm tám tám tỷ bảy trăm triệu đồng)
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017: 210.719.081.179 VND (Hai trăm mười tỷ bảy trăm mười chín triệu không trăm tám mốt nghìn một trăm bảy chín đồng)
- Trụ sở chính: Tầng 4 - Số 167 Trung kính - Phường Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà nội.
- Điện thoại: 04. 37346848; Fax: 04.37346838
- Website: http://pvgascity.com.vn
- Email: info@pvgascity.com.vn
- Mã cổ phiếu: PCG
- Logo công ty:

2. *Quá trình hình thành và phát triển*

- Thành lập theo nghị quyết số 1877/NQ-DKVN ngày 06/7/2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0102349865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/08/2007, sửa đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 4 năm 2017.
- Thời điểm niêm yết: 29/12/2010

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty là kinh doanh các sản phẩm gas. Các hoạt động liên quan đến xây lắp và cung cấp dịch vụ khác cũng là để phục vụ cho việc kinh doanh các sản phẩm gas.
- Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài lãnh thổ Việt Nam.

4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*

4.1. Mô hình quản trị/.

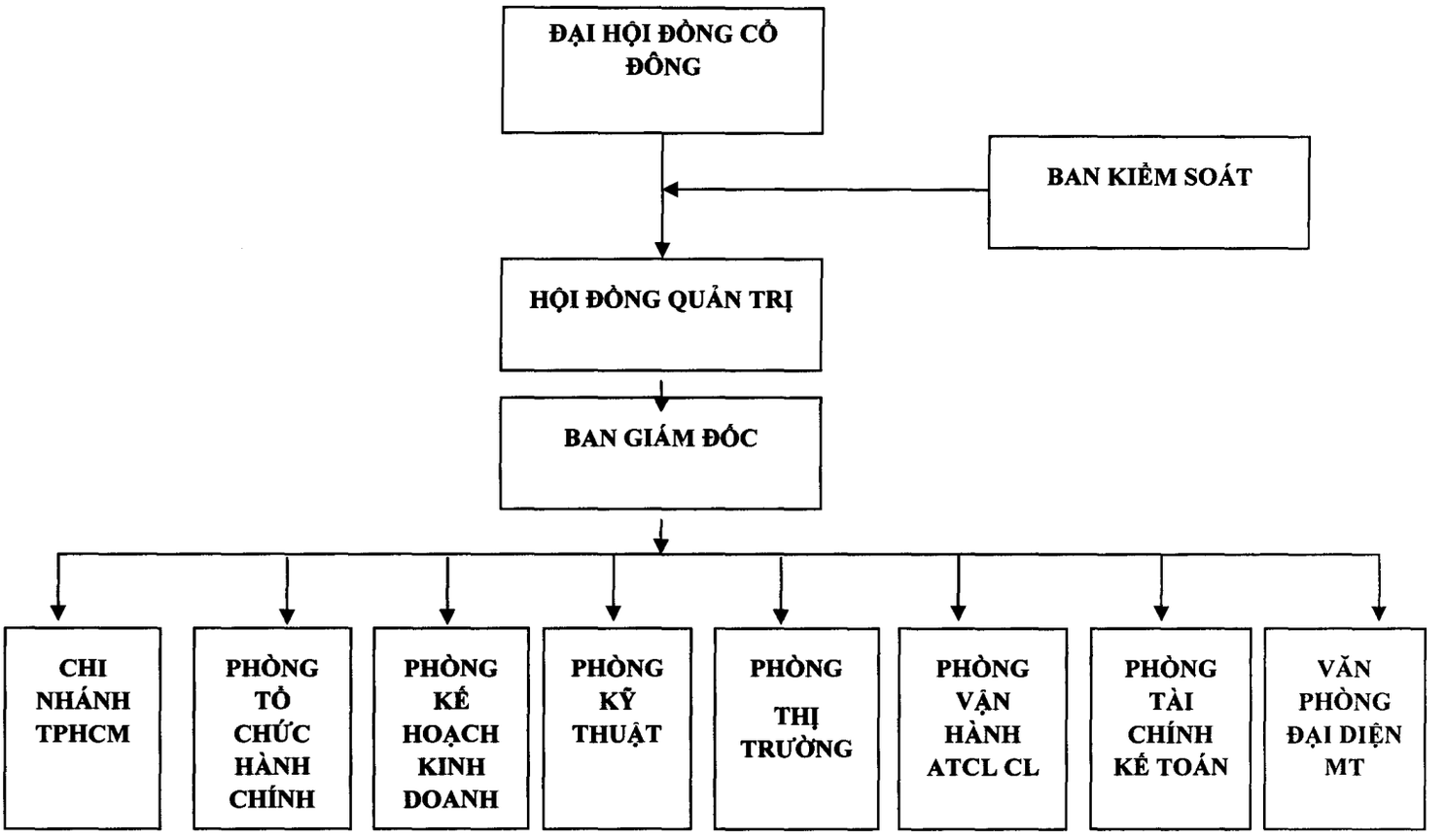

Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần trên cơ sở tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác của pháp luật.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.

- Ban điều hành: 03 người
  - Ông Lu Zhiming – Giám đốc
  - Ông Bùi Xuân Năng - Phó Giám đốc
  - Ông Chen Zhibin – Phó Giám đốc
- Các phòng chức năng, chi nhánh,VPĐD:
  - Phòng Tổ chức hành chính;
  - Phòng Kỹ thuật;
  - Phòng Tài chính kế toán;
  - Phòng Kế hoạch kinh doanh;
  - Phòng vận hành an toàn chất lượng;
  - Phòng thị trường;
  - Chi nhánh TPHCM;
  - Văn phòng đại diện Miền Trung.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

5. *Định hướng phát triển*

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Củng cố hệ thống khách hàng hiện thời, tăng cường các hoạt động tìm kiếm và tiếp xúc để phát triển thêm khách hàng công nghiệp/khu công nghiệp mới, chú trọng các khách hàng trong các khu công nghiệp có sản lượng lớn.
- Đăng ký trở thành thương nhân xuất nhập khẩu và thương nhân phân phối nhằm mở rộng chuỗi kinh doanh để gia tăng sản lượng và lợi nhuận kinh doanh LPG.
- Tăng cường hợp tác đầu tư, thi công xây lắp hệ thống LPG cho khu công nghiệp và khách hàng công nghiệp nhằm tăng doanh thu xây lắp và bán LPG.
- Nghiên cứu đa dạng hóa nguồn khí cung cấp bằng đường ống cho các Thành phố và khu đô thị.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Đầu tư xây dựng mạng lưới hệ thống cung cấp khí đốt trung tâm cho các khu đô thị lớn, đặc biệt là khí đốt thiên nhiên.
- Phát triển nhiên liệu sạch thân thiện với môi trường.
- Chú trọng tập trung lĩnh vực xây lắp, nhận thầu thi công hệ thống gas trung tâm cho các khu đô thị, công nghiệp qua đó tạo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên, đồng thời tăng doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động này.
- Sắp xếp lại các Phòng nghiệp vụ nhằm đảm bảo bộ máy tinh giản, đạt hiệu quả cao trong công việc.
- Gia tăng tuyển dụng nhân sự, tổ chức đào tạo nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tăng cường xây dựng, mở rộng các đối tác kinh doanh từ khâu cung cấp nguồn khí, cung cấp VTTB, thi công xây dựng nhằm nâng cao năng lực cung cấp, thi công xây dựng.

5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Đầu tư xây dựng mạng lưới hệ thống cung cấp khí đốt trung tâm theo ba tiêu chí an toàn hơn, chất lượng hơn, kinh tế hơn, đặc biệt tập trung vào khí đốt thiên nhiên.
- Phát triển nhiên liệu sạch thân thiện với môi trường.

6. ***Các rủi ro:*** (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)

- Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Ban giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có thay đổi về giá trong tương lai.
- Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không và để giảm thiểu rủi ro này.
- Nguy cơ cháy, nổ do thiên tai khách quan và chủ quan (cháy nổ ở các chung cư), ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đang thi hành nhiều biện pháp, chính sách quản lý chất lượng, chính sách an toàn trong từng khâu hoạt động sản xuất kinh doanh khí, nhận diện các yếu tố tác động có thể gây rủi ro cháy nổ cao, để có biện pháp quản lý, kiểm soát phù hợp, đồng thời ngăn ngừa tối đa rủi ro do cháy nổ.

- Hệ thống chính sách pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực hệ thống Gas trung tâm chưa đồng bộ, chưa khuyến khích, gây khó khăn cho doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực này.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

Năm 2017 vẫn là một năm khó khăn đối với Công ty do giá LPG biến động, thị trường hết sức cạnh tranh về giá và dịch vụ. Thị trường bất động sản hồi phục chậm, các chủ đầu tư có xu hướng chuyển sang dùng điện, ... dẫn đến sản lượng và doanh thu không đạt kế hoạch.

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu chính

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	% TH2017 so với KH2017	(%) TH2017 so với TH2016
(A)	*(B)*	*(C)*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(3)/(2)*	*(3)/(1)*
I	**Chỉ tiêu sản lượng**						
1	LPG	Tấn	45.595	39.862	21.570	54%	47%
-	LPG Công nghiệp		45.005	39.084	20.892	53%	46%
-	LPG Citygas		590	778	678	87%	115%
2	Xây lắp (ký mới)	Căn hộ	0	2.060	1.779	86%	-
II	**Chỉ tiêu tài chính**	**Tỷ đồng**					
1	Doanh thu		484,057	553,403	319,546	58%	66%
1.1	LPG		476,383	530,983	304,377	57%	64%
-	LPG Công nghiệp		463,628	511,089	287,809	56%	62%
-	LPG Citygas		12,755	19,894	16,569	83%	130%
1.2	Xây lắp		7,374	22,421	13,443	60%	182%
1.3	Khác		0,300	0	1,726	-	575%
2	Giá vốn		463,674	515,941	298,807	58%	64%
3	Chi phí bán hàng và quản lý DN		33,248	42,259	25,601	61%	77%
4	Lợi nhuận tài chính		8,974	4,839	7,319	151%	82%
5	Lợi nhuận khác		4,122	0	0,820	-	20%
6	Lợi nhuận trước thuế		0,231	0,043	3,277	7,576%	1,417%
7	Lợi nhuận sau thuế		0,158	0,035	2,544	7,353%	1,607%

➢ ***Chỉ tiêu sản lượng***

- Sản lượng LPG công nghiệp đạt 20.892 tấn, bằng 53% kế hoạch và 46% so với năm 2016. Phân khúc bán nguồn và công nghiệp cạnh tranh rất gay gắt, các đơn vị cạnh tranh nhập khẩu trực tiếp từ các nguồn khác nên giá vốn thấp và chế độ bán hàng linh hoạt. Một số khách hàng ký hợp đồng với sản lượng lớn nhưng nợ xấu cao, không có khả năng trả nợ để lấy hàng tiếp, bắt buộc Công ty phải dừng cấp hàng.
- Sản lượng LPG citygas đạt 678 tấn, bằng 87% kế hoạch, tăng 15% so với năm 2016 do khai thác thêm trạm Huyndai ở miền Bắc từ quý III/2016. Hiện công ty đang vận hành 42 trạm trên cả nước với tổng số trên 6000 căn hộ.

- Sản lượng xây lắp: ký mới được 1.779 căn hộ, bằng 86% kế hoạch. Tổng giá trị hợp đồng ký mới được trong cả năm đạt 36,276 tỷ đồng, bằng 99 % kế hoạch bao gồm 03 dự án căn hộ, 15 dự án làm gas trung tâm cho bếp ăn và hệ thống cấp gas cho nhà máy công nghiệp.

➢ ***Chỉ tiêu tài chính***

- Tổng doanh thu đạt 319,546 tỷ đồng, trong đó:
    - Doanh thu LPG đạt 304,377 tỷ đồng, bằng 57% kế hoạch và 64% so với năm 2016 chủ yếu là do sản lượng và giá CP bình quân thấp hơn;
    - Doanh thu xây lắp đạt 13,433 tỷ đồng, bằng 60% kế hoạch, tăng 82% so với năm 2016 bao gồm cả các dự án từ năm trước chuyển sang và dự án ký mới trong năm 2017;
    - Doanh thu khác đạt 1,726 tỷ đồng chủ yếu từ vận hành trạm công nghiệp.
- Chi phí quản lý và bán hàng đạt 25,601 tỷ đồng, bằng 61% kế hoạch, giảm 23% so với năm 2016 chủ yếu là do hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi và các chi phí khác như chi phí vận tải LPG (giảm tương ứng với sản lượng LPG tiêu thụ).
- Lợi nhuận tài chính đạt 7,319 tỷ đồng, bằng 151% kế hoạch.
- Lợi nhuận khác đạt 0,820 tỷ đồng chủ yếu từ hoàn nhập bảo hành công trình các dự án xây lắp.
- Lợi nhuận trước thuế ước đạt 3,277 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế ước đạt 2,544 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban điều hành

2.1.1. Ông Lu Zhiming - Giám đốc

- Ngày sinh: 13/7/1964
- Quốc tịch: Trung Quốc
- Dân tộc: Hán
- Địa chỉ thường trú: Thành phố Dương Châu, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc
- Số Hộ chiếu: G41973289, Ngày cấp 12/4/2010. Nơi cấp: Trung Quốc
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản lý kinh tế.

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1987-7/1992	Uỷ ban xã Diên Hà và Quách Kiều, Huyện Bảo ứng, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc	Phó xã trưởng
7/1992-6/2001	Uỷ ban kinh tế nông thôn Huyện Bảo Ứng, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc	Phó chủ nhiệm
6/2001-7/2003	Công ty Công ty Bảo hiểm nhân thọ Thái Bình Dương Trung Quốc, Chi nhánh Bảo Ứng	Tổng giám đốc
8/2003-2/2007	Công ty TNHH Khí đốt Xinao Thái Hưng	Tổng giám đốc
3/2007-7/2010	Công ty TNHH Khí đốt Xinao Nhật Chiếu	Tổng giám đốc
8/2010-12/2016	Công ty Cổ phần năng lượng sạch Xinao Côn Lôn Thượng Hải	Tổng giám đốc
01/2017 -4/2017	Công ty TNHH Xinao Energy	Trợ lý Tổng giám đốc
4/2017- nay	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị	Giám đốc

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0

2.1.2. Ông Bùi Xuân Năng – Phó Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/11/1974
- Nơi sinh: Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thường Tín - Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: 281/17 Tam Trinh, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số CMND: 011772605 do Công an Hà Nội cấp ngày 03/07/2008
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Lọc hoá dầu
- Quá trình công tác:

Thời gian	**Đơn vị công tác**	**Chức vụ**
08/1996 - 11/2001	Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm khí	Chuyên viên
12/2001 - 05/2006	Ban Chế biến, Tập đoàn Dầu khí QG Việt nam	Chuyên viên
06/2006 - 01/2008	Ban Chế biến, Tập đoàn Dầu khí QG Việt nam	Phó phòng Dự án
02/2008 - Nay	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Phó Giám đốc

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không

2.1.3. Ông Chen Zhibin – Phó Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/4/1975
- Nơi sinh: Trung Quốc Quốc tịch: Trung Quốc Dân tộc: Hán
- Quê quán: Shanxi, Trung Quốc
- Địa chỉ thường trú: Trung Quốc
- Số hộ chiếu: G48547070 do Công an Hà Nội cấp ngày
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ
- Quá trình công tác:

Thời gian	**Đơn vị công tác**	**Chức vụ**
7/2000-1/2002	Phòng chất lượng và Công nghệ ENN	Nhân viên kỹ thuật
1/2002-5/2003	Công ty TNHH Gas ENN Bengbu	Đội trưởng
5/2003-9/2004	Công ty TNHH Gas ENN Dongguan	Trưởng phòng
9/2004-11/2006	Phòng Quản lý Tài sản GAS công ty ENN	Kỹ sư quản lý
11/2006-1/2008	Phòng Quản lý Tài sản GAS công ty ENN	Phó phòng
1/2009-11/2010	Phòng Quản lý Tài sản GAS công ty ENN	Phó phòng
11/2010-1/2017	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Kỹ sư trưởng
1/2017 đến nay	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Phó giám đốc

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0

2.2. Kế toán trưởng

- Bà Đặng Thái Hà
- Ngày tháng năm sinh: 10/11/1977
- Nơi sinh: Hà Nội Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 13 ngách 14 Ngõ 639 Hoàng Hoa Thám, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Số CMND: 011875446 do Công an Hà Nội cấp ngày 19/11/2008
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán
- Chứng chỉ hành nghề: Kế toán trưởng ; Dịch vụ thuế
- Quá trình công tác, kinh nghiệm

Thời gian	**Đơn vị công tác**	**Chức vụ**
1999 - 2000	Nhân viên kế toán	Công ty phát triển công nghệ thông tin AIC
2000 - 2007	Nhân viên kế toán	Công ty CP Bánh kẹo HảiHà
2007 - 2008	Nhân viên kế toán	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị
2008 - 11/2010	Phó phòng TCKT	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị
11/2010 - đến nay	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không

2.3. Những thay đổi trong điều hành

- Trong năm 2017, Công ty thay đổi nhân sự trong ban điều hành như sau:
  - Ông Văn Tuấn Anh, thôi kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 08/4/2017;
  - Ông Lu zhiming, đảm nhận chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 8/4/2017;
  - Ông Nguyễn Nhật Dương, thôi đảm nhận chức vụ phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/6/2017;
  - Ông Phạm Văn Tuynh, thôi đảm nhận chức vụ phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/6/2017;

2.4. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- Đến 31/12/2017, tổng số cán bộ nhân viên 103 người;
- Đảm bảo việc ký hợp đồng lao động, trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng các quy định của pháp luật;
- Thực hiện đúng các chế độ lương thưởng các dịp lễ tết cho người lao động theo quy định của Công ty và pháp luật;

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2017, Công ty có các khoản đầu tư: 10.535.713.163 VNĐ

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	242,054,867,312	250,455,286,260	3.5%
2	Doanh thu thuần	484,058,122,830	319,543,946,584	-34.0%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-3,891,355,429	2,455,861,767	-163.1%
4	Lợi nhuận khác	4,122,344,383	821,163,009	80.1%
5	Lợi nhuận trước thuế	230,988,954	3,277,024,776	1318.7%
6	Lợi nhuận sau thuế	158,370,759	2,544,255,930	1506.5%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1	126	12500%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH)	6.23	5.35	
	Hệ số thanh toán nhanh ((TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ NH)	5.80	4.78	
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.14	0.16	
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.16	0.19	
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	30.31	17.62	
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2.00	1.28	
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	0.00	0.01	
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	0.00	0.01	
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	0.00	0.01	
	Hệ số Lợi nhuận từ HĐSXKD/Doanh thu thuần	-0.01	0.01	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 18.870.000 cổ phần (Mười tám triệu tám trăm bảy mươi)

- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.870.000

5.2. Cơ cấu cổ đông: Theo danh sách chốt ngày 17/10/2017

TT	Phân loại cổ đông	SL cổ đông	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ %/VĐL
1	Cổ đông lớn	2	14,982,000	79%
	Cổ đông nhỏ	1,272	3,888,000	21%
2	Cổ đông tổ chức	11	15,292,168	81%
	Cổ đông cá nhân	1,263	3,577,832	19%
3	Cổ đông trong nước	1,256	10,367,400	55%
	Cổ đông nước ngoài	18	8,502,600	45%
4	Cổ đông nhà nước	2	6,918,100	37%
	Cổ đông khác	1,272	11,951,900	63%

*5.3. **Thay đổi cơ cấu cổ đông***

TT	Cổ đông	Số CP sở hữu thời điểm 17/10/2017		Số CP sở hữu thời điểm 12/2017		Lý do tăng, giảm	Ghi chú
		Số CP	Tỷ lệ%	Số CP	Tỷ lệ%		
1	Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP	6.700.000	35.51	3.350.000	17,75	Bán	Theo báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của Tổng Công ty Khí VN ngày 29/12/2017
2	Công ty cổ phần đầu tư Việt Tú	56.900		1.890.100	10,02	Mua	Theo báo cáo ngày trở thành cổ đông lớn của Công ty CPĐT Việt Tú ngày 14/12/2017
3	Nguyễn Thanh Tú	426.200	2	2.247.900	11.91%	Mua	Theo báo cáo ngày trở thành cổ đông lớn của bà Nguyễn Thanh Tú ngày 14/12/2017

5.4. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu. Không có

5.5. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.6. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng.

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Điện phục vụ cho hoạt động văn phòng: 7.348kwh/tháng, điện tại các trạm (bình quân10-30KWh/trạm/tháng, sử dụng chủ yếu cho chiếu sáng/chạy báo rò gas, báo cháy)
- Xăng cho ô tô 718 lít/tháng; dầu 445.6 lít/tháng

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm): Không đáng kể do hoạt động SXKD không sử dụng nước, nước chỉ dùng cho sinh hoạt văn phòng (103 CBNV, VP hạng B).

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: nguồn cung cấp nước là nước máy, lượng tiêu thụ trung bình 100 m3/tháng.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Đến 31/12/2017, tổng số cán bộ nhân viên 103 người;
- Mức lương cho người lao động đảm bảo phù hợp với mặt bằng chung và tình hình thị trường. Thu nhập bình quân đạt: 11,98 triệu đồng/người/tháng;
- Đào tạo: triển khai 125 lượt người bao gồm đào tạo theo yêu cầu pháp luật và đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ với tổng chi phí 50,9 triệu đồng.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động. Công tác an toàn, bảo hộ lao động được chú trọng, các CBNV làm việc tại các bộ phận có yêu cầu nghiêm ngặt về bảo hộ, trang thiết bị lao động đều được Công ty cấp phát và trang bị đầy đủ. 100% CBNV công ty được khám sức khỏe định kỳ hàng năm; được Công ty mua bảo hiểm con người …

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017 là một năm khó khăn đối với Công ty:

- Về kinh doanh LPG: giá dầu và LPG ở ngưỡng thấp, phân khúc bán nguồn và công nghiệp cạnh tranh rất gay gắt do các đơn vị cạnh tranh nhập khẩu trực tiếp từ các nguồn khác nên giá vốn thấp và chế độ bán hàng linh hoạt …
- Về lĩnh vực xây lắp: thị trường bất động sản hồi phục chậm, các chủ đầu tư giãn tiến độ thi công, các dự án có xu hướng sử dụng điện, các cơ quan quản lý nhà nước chưa có hướng dẫn, quy hoạch về phát triển hệ thống gas trung tâm …
- Đây là những yếu tố khách quan ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, trong năm 2017, công ty đã tăng cường công tác thu hồi công nợ, tiết giảm chi phí và đã đạt được kết quả khả quan:
- Ký mới được 1.779 căn hộ. Tổng giá trị hợp đồng ký mới đạt 36,276 tỷ đồng, bằng 99 % kế hoạch bao gồm 03 dự án căn hộ, 15 dự án làm gas trung tâm cho bếp ăn và hệ thống cấp gas cho nhà máy.
- Chi phí quản lý và bán hàng đạt 25,601 tỷ đồng, giảm 39% so với kế hoạch, giảm 23% so với năm 2016 chủ yếu do hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 3,277 tỷ đồng trên 0,043 tỷ đồng kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 2,544 tỷ đồng trên 0,034 tỷ đồng kế hoạch.

2. *Tình hình tài chính*

2.1.Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	So sánh với kỳ trước	
			CL so với kỳ trước	% CL so với kỳ trước
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	**204,021,753,011**	**209,414,612,413**	**5,392,859,402**	2.64%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**49,277,750,246**	**19,710,379,257**	**(29,567,370,989)**	-60.00%
1. Tiền	8,887,750,246	14,910,379,257	6,022,629,011	67.76%
2. Các khoản tương đương tiền	40,390,000,000	4,800,000,000	(35,590,000,000)	-88.12%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**85,847,889,002**	**108,963,392,517**	**23,115,503,515**	26.93%
1. Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-	-	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	85 847 889 002	108 963 392 517	23 115 503 515	26.93%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**53,982,847,676**	**56,103,118,510**	**2,120,270,834**	3.93%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	50,520,169,562	47,116,174,510	(3,403,995,052)	-6.74%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	342,021,807	7,398,271,916	7,056,250,109	2063.10%
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-	
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	-	

6. Phải thu ngắn hạn khác	5,131,973,794	3,436,701,205	(1,695,272,589)	-33.03%
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2,023,415,150)	(1,848,029,121)	175,386,029	-8.67%
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	12,097,663	-	(12,097,663)	-100.00%
IV. Hàng tồn kho	**14,081,551,178**	**22,378,495,178**	**8,296,944,000**	58.92%
1. Hàng tồn kho	14 081 551 178	22 378 495 178	8 296 944 000	58.92%
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	
V.Tài sản ngắn hạn khác	**831,714,909**	**2,259,226,951**	**1,427,512,042**	171.63%
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	775,172,581	687,007,127	(88,165,454)	-11.37%
2. Thuế GTGT được khấu trừ	45,818,720	1,572,219,824	1,526,401,104	3331.39%
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10,723,608	-	(10,723,608)	-100.00%
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-	-	
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**38,033,114,301**	**41,040,673,847**	**3,007,559,546**	7.91%
I. Các khoản phải thu dài hạn	**2,546,475,949**	**1,286,420,658**	**(1,260,055,291)**	-49.48%
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	9,812,679,606	5,441,215,962	(4,371,463,644)	-44.55%
2. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	-	-	-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	-	
6. Phải thu dài hạn khác	70,995,872	85,295,872	14,300,000	20.14%
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(7,337,199,529)	(4,240,091,176)	3,097,108,353	-42.21%
II.Tài sản cố định	**8,777,214,742**	**17,810,857,237**	**9,033,642,495**	102.92%
1. Tài sản cố định hữu hình	**7,770,107,463**	**16,910,777,280**	**9,140,669,817**	117.64%
- Nguyên giá	14 589 561 181	25 420 673 889	10 831 112 708	74.24%
- Giá trị hao mòn lũy kế	(6 819 453 718)	(8 509 896 609)	(1 690 442 891)	24.79%
2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	
- Nguyên giá	-	-	-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	
3. Tài sản cố định vô hình	**1,007,107,279**	**900,079,957**	**(107,027,322)**	-10.63%
- Nguyên giá	1,403,925,313	1,408,758,913	4,833,600	0.34%
- Giá trị hao mòn lũy kế	(396,818,034)	(508,678,956)	(111,860,922)	28.19%
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-	
- Nguyên giá	-	-	-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**1,340,663,067**	**1,340,663,067**	-	0.00%
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	

2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1,340,663,067	1,340,663,067	-	0.00%
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**7,152,141,301**	**91,591,658**	**(7,060,549,643)**	-98.72%
1. Đầu tư vào công ty con	-	-	-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7 152 141 301	91 591 658	(7 060 549 643)	-98.72%
VI. Tài sản dài hạn khác	**18,216,619,242**	**20,511,141,227**	**2,294,521,985**	12.60%
1. Chi phí trả trước dài hạn	18,082,541,839	20,436,578,562	2,354,036,723	13.02%
2. Tài sản thuế thu nhập hoàn lại	134,077,403	74,562,665	(59,514,738)	-44.39%
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	-	-	
4. Tài sản dài hạn khác	-	-	-	
5. Lợi thế thương mại	-	-	-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**242,054,867,312**	**250,455,286,260**	**8,400,418,948**	3.47%

- Các khoản tương đương tiền phản ánh số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn thu hồi trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- Nợ phải thu ngắn hạn và dài hạn tại 31.12.2017 đều giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng giảm từ 9.36 tỷ xuống 6.08 tỷ, giảm 34.96%.

Hiện nay công ty có một số khoản nợ xấu của các khách hàng, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Đối tượng	Năm 2016	Năm 2017	Chênh lệch
1	Ban QL DA Thái Hà	2,822,493,740		(2,822,493,740)
2	Công ty CP Bê tông và xây dựng Vinaconex Xuân Mai	2,883,388,050	2,250,000,000	(633,388,050)
3	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ khí đốt Nam Việt	2,390,138,917		(2,390,138,917)
4	Công ty CP ĐT&PT Năng lượng Hà Nội	819,102,549	819,102,549	-
5	Công ty CP Sông Đà - Thăng Long	3,317,359,214	4,006,942,801	689,583,587
6	Các khách hàng khác	480,396,902	1,358,279,417	877,882,515
	Tổng	**12,712,879,372**	**8,434,324,767**	**(4,278,554,605)**

Tài sản dài hạn tại thời điểm 31/12/2017 tăng hơn cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do:

- Tài sản cố định tăng do một số hạng mục đầu tư xây dựng của công ty hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.
- Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng phản ánh chi phí thuê 508m^2 văn phòng tại tầng 4, tòa nhà Viện Dầu Khí, số 167 Trung Kính Yên, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2010. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Trong Chi phí trả trước dài hạn, Tiền thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện dầu khí chiếm 99% (20.117.475.409 đồng).

2.2.Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	So sánh với kỳ trước	
			CL so với kỳ trước	% CL so với kỳ trước
C. NỢ PHẢI TRẢ	**33,722,173,700**	**39,736,205,081**	**6,014,031,381**	17.83%
I. Nợ ngắn hạn	**32,758,891,873**	**39,139,902,546**	**6,381,010,673**	19.48%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	22,951,249,510	29,144,709,590	6,193,460,080	26.99%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2,320,961,167	3,882,099,669	1,561,138,502	67.26%
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31,490,966	735,170,025	703,679,059	2234.54%
4. Phải trả người lao động	1,891,913,474	970,218,817	(921,694,657)	-48.72%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	218,421,119	627,492,400	409,071,281	187.29%
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	-	
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	258,510,486	254,153,661	(4,356,825)	-1.69%
9. Phải trả ngắn hạn khác	2,995,035,851	3,027,553,239	32,517,388	1.09%
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	-	-	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	380,978,100	454,299,945	73,321,845	19.25%
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	1,710,331,200	44,205,200	(1,666,126,000)	-97.42%
13. Quỹ bình ổn giá	-	-	-	

14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-	-	
II. Nợ dài hạn	**963,281,827**	**596,302,535**	**(366,979,292)**	-38.10%
1. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	
3. Chi phí phải trả dài hạn	-	-	-	
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	-	-	-	
5. Phải trả nội bộ dài hạn	-	-	-	
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-	-	
7. Phải trả dài hạn khác	73,904,987	53,581,930	(20,323,057)	-27.50%
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	
9. Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-	
10. Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	
12. Dự phòng phải trả dài hạn	889,376,840	542,720,605	(346,656,235)	-38.98%
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	-	

- Trong các khoản nợ phải trả ngắn hạn thì phải trả người bán chiếm tỷ trọng lớn nhất (74%). Trong đó, nợ phải trả cho Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần – Công ty kinh doanh sản phẩm khí là 20.431.820.943 đồng.
- Các khoản phải trả khác bao gồm các khoản như:
  - Phải trả cổ tức: 1.346.218.160 đồng
  - Kinh phí công đoàn: 235.184.437 đồng
  - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn: 880.605.144 đồng
  - Phải trả khác: 565.545.498 đồng
- Dự phòng phải trả là dự phòng bảo hành công trình, là ước tính chính xác nhất về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành mà công ty áp dụng đối với các công trình xây dựng phát sinh lỗi phải bảo hành.
  - Tại ngày 1/1/2017: 1.270.354.940 đồng
  - Trích lập bổ sung trong năm: 549.707.721 đồng
  - Hoàn nhập dự phòng: (823.042.111) đồng
  - Tại 31/12/2017: 997.020.550 đồng
- Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Theo đó , các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng chia cho các cổ đông.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Duy trì Hệ thống quản lý tích hợp ATCLMT.
- Hệ thống các quy trình, quy định được rà soát, cập nhập để đáp ứng công tác quản lý, điều hành của ban lãnh đạo và để kịp thời phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý : không

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Củng cố hệ thống khách hàng hiện thời, tăng cường các hoạt động tìm kiếm và tiếp xúc để phát triển thêm khách hàng công nghiệp/khu công nghiệp mới, chú trọng các khách hàng trong các khu công nghiệp có sản lượng lớn.
- Đăng ký trở thành thương nhân xuất nhập khẩu và phân phối nhằm gia tăng sản lượng và lợi nhuận kinh doanh LPG.
- Tăng cường hợp tác đầu tư, thi công xây lắp hệ thống LPG cho khu công nghiệp và khách hàng công nghiệp nhằm tăng doanh thu xây lắp và bán LPG.
- Nghiên cứu đa dạng hóa nguồn khí cung cấp bằng đường ống cho các Thành phố và khu đô thị.

6. ***Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):*** Không có

7. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/

7.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải.....)

- Các chỉ tiêu tiêu thụ nước, điện, xăng dầu của Công ty đang ở mức trung bình;
- Công ty có khí phát thải ra môi trường qua việc sử dụng ô tô cho hoạt động của Công ty

7.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- 100% CBNV được bố trí việc làm đầy đủ, phù hợp với chuyên môn, được đóng BH đầy đủ và mua bảo hiểm tự nguyện;
- Công ty thực hiện trả lương cho người lao động theo đúng quy chế trả lương, đảm bảo trả lương đúng thời hạn, theo chức danh công việc;
- Công ty quan tâm, chăm lo đến đời sống tinh thần và vật chất của người lao động: các ngày lễ, tết, 8/3; 20/10, thành lập Công ty đều được công ty tổ chức các hoạt động tập thể nhằm mục đích gắn kết người lao động; Các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, đoàn thanh niên phối hợp với chính quyền thường xuyên thăm hỏi các CBNV khi ốm đau nhằm động viên, chia sẽ những khó khăn trong cuộc sống

7.3. *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:* Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Năm 2017, Công ty vẫn gặp rất nhiều khó khăn do nhà cung cấp thay đổi chính sách thanh toán; các chủ đầu tư cắt giảm đầu tư hệ thống Gas trung tâm nhằm tiết giảm chi phí; thị trường kinh doanh LPG cạnh tranh khốc liệt....Đối mặt với những khó khăn đó, tập thể CBNV Công ty đã nỗ lực cố gắng tập trung mở rộng tìm kiếm khách hàng LPG công nghiệp; có chiến dịch tuyên truyền về lợi ích của hệ thống gas trung tâm để phát triển khách hàng LPG citygas; hoàn thành quyết toán các hợp đồng xây lắp hệ thống gas; đảm bảo vận hành hệ thống citygas an toàn, hiệu quả, không có các hoạt động làm ảnh hưởng không phù hợp với môi trường và xã hội

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban giám đốc Công ty đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và các kết luận chỉ đạo của HĐQT tại các phiên họp, Ban giám đốc Công ty đã triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như:
    - Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đã ký hợp đồng, quyết toán các hợp đồng đã thi công xong;
    - Tìm kiếm khách hàng LPG công nghiệp; phát triển khách hàng citygas tại các dự án có hệ thống gas Trung tâm;
    - Tăng cường công tác phát triển dự án, tiết kiệm chí phí quản lý....
- Trong công tác quản lý điều hành, Ban giám đốc đã phân giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban giám đốc, trực tiếp phụ trách các mảng hoạt động và các đơn vị trong Công ty theo nguyên tắc toàn diện và chịu trách nhiệm đến cùng các vấn đề được giao, trên cơ sở tuân thủ các quy định của Công ty và pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Năm 2018 với những cơ hội và thách thức mới, để giữ vững và phát triển nâng cao hiệu quả SXKD, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tập trung chỉ đạo vào các lĩnh vực sau:
    - Chỉ đạo Ban Giám đốc công ty triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, bám sát các hoạt động của Công ty trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, hỗ trợ và phối hợp Giám đốc xử lý kịp thời và tháo gỡ những khó khăn vướng mắc để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt và vượt mức kế hoạch được giao.
    - Tiếp tục chỉ đạo triển khai để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng, hoàn thành đúng tiến độ để đưa công trình vào sử dụng nhằm mở rộng thị trường kinh doanh LPG, CNG.... Đặc biệt là dự án mà công ty đã đầu tư trạm cấp.
    - Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt Ban Giám đốc có phương án xử lý dứt điểm các tồn đọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như: thu hồi nợ khó đòi; thanh quyết toán các hợp đồng xây lắp chậm tiến độ....
    - Chỉ đạo triển khai kế hoạch SXKD năm 2018 nhằm tiết kiệm tối đa chi phí để sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
    - Kiện toàn lại bộ máy quản lý cho phù hợp với tình hình mới để thực hiện các mục tiêu phát triển trong thời gian tới.
    - Tăng cường công tác phát triển dự án citygas, mở rộng tìm kiếm thêm khách hàng LPG công nghiệp; tập trung nguồn lực để quyết toán các hợp đồng xây lắp theo hợp đồng đã ký kết; phát triển dự án citygas.
    - Rà soát, điều chỉnh lại các quy định quy chế phù hợp với tình hình SXKD;

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2017 có 5 thành viên không điều hành là 04.

TT	Họ và tên	Chức vụ		Số lượng CP SH		Chức vụ tại TC khác
				Số lượng	Tỷ lệ	
1	Văn Tuấn Anh	CT	TV điều hành	9.000	0.005%	
2	Cheung Yipsang	TV	TV không ĐH			TGĐ của tập đoàn ENN, Trung Quốc
3	Nguyễn Quyết Thắng	TV	TV không ĐH			TB NKK PVGAS
4	Gao Zhixin	TV	TV không ĐH			Tổng cố vấn luật sư
5	Nguyễn Chí Dũng	TV	TV không ĐH	750.900	3.98%	Giám đốc

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong việc thực hiện Công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017;
- Giám sát việc chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc; Việc triển khai các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017;
- Chỉ đạo Giám đốc Công ty trong việc xây dựng KHKD năm 2018;
- Giám sát việc triển khai các dự án xây lắp hệ thống gas Trung tâm và công tác thanh quyết toán các dự án;
- Công tác thu hồi công nợ đối với các khách hàng LPG và xây lắp;
- Việc sử dụng lao động và thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Công ty và pháp luật;
- Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để có những chỉ đạo kịp thời trong công tác lãnh đạo quản lý, điều hành của Ban Giám đốc;
- Năm 2017, HĐQT công ty tổ chức họp HĐQT, nội dung các cuộc họp và kết quả họp và xin ý kiến như sau :

Stt	Ngày	Nội dung
1	12/01/2017	- Giao Giám đốc công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2017 có tính toán đến việc kinh doanh thương mại, khách hàng công nghiệp và khách hàng dân dụng. - Đồng ý đàm phán hợp đồng với khách hàng Best theo các chỉ tiêu tối thiểu và cách thức thực hiện nêu tại phương án kinh doanh; - Bổ nhiệm Ông Gao Zhixin làm thành viên HĐQT Công ty thay thế ông Liu Yongxin kể từ ngày 13/01/2017 . - Bổ nhiệm ông Nguyễn Quyết Thắng làm thành viên HĐQT công ty thay thế ông Nguyễn Thành Đôn kể từ ngày 13/01/2017.

		- Bổ nhiệm ông Nguyễn Nhật Dương làm phó Giám đốc phụ trách hành chính nhân sự và ông Chen Zhibin làm phó Giám đốc phụ trách thị kể từ ngày 13/01/2017. - Giao giám đốc công ty thực hiện nghiên cứu đề xuất các thủ tục liên quan để Công ty trở thành thương nhân XNK LPG, báo cáo HĐQT khả năng thực hiện; - Giao ban giám đốc xây dựng quy chế và trình HĐQT phê duyệt. Trong khi quy chế chưa được ban hành, giao ban giám đốc công ty quyết định khuyến khích, phạt đối với các CBNV ký được hợp đồng, dự án cho công ty trên cơ sở có hiệu quả kinh doanh và tuân thủ các quy định của pháp luật.
2	27/3/2017	- Về KH 2017: Giao cho Ban Giám đốc Công ty điều chỉnh lại, đảm bảo năm 2017 không lỗ. Ủy quyền cho Giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 để thông qua, phê duyệt KHKD năm 2017 theo thẩm quyền - Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua theo thẩm quyền. - Đồng ý với việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như đề nghị của Giám đốc, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua theo thẩm quyền. - Đồng ý với báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2016 và KH chi trả năm 2017, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua theo thẩm quyền - Đồng ý với Quy chế bầu cử Thành viên HĐQT + BKS nhiệm kỳ 2017-2022, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua theo thẩm quyền. Giao Giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục, công việc liên quan để tổ chức bầu/bổ nhiệm thành viên HĐQT, BKS theo quy định của Công ty và pháp luật. - Đối với việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty quyết định việc trình ĐHĐCĐ thông qua việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh - Đối với công nợ: Đồng ý với đề nghị của Giám đốc Công ty về biện pháp xử lý các khách hàng có nợ xấu, khó đòi và tồn tại khi triển khai như đề nghị của Giám đốc Công ty. Yêu cầu Giám đốc Công ty rà soát, phân loại các KH có nợ xấu khó đòi, báo cáo HĐQT phương án xử lý nếu không có khả năng thu hồi. - Ban hành Quy định chi lương bổ sung khuyến khích phát triển dự án, phạt cho CBNV như đề nghị của Giám đốc.
3	07/4/2017	- Ông Văn Tuấn Anh, chủ tịch HĐQT thôi kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty kể từ ngày 08/4/2017 - Bổ nhiệm ông LU ZHIMING làm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật Công ty thay thế ông Văn Tuấn Anh kể từ ngày 08/4/2017
4	21/4/2017	- Bầu ông Văn Tuấn Anh - thành viên HĐQT đảm nhận chức Chủ tịch

		HĐQT kể từ ngày 21/4/2017.
5	30/5/2017	- Ông Phạm Văn Tuynh, thôi đảm nhận chức vụ phó Giám đốc Công ty để chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty kể từ ngày 01/6/2017. - Ông Nguyễn Nhật Dương thôi đảm nhận chức vụ phó Giám đốc Công ty để chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty kể từ ngày 01/6/2017.
6	09/8/2017	- Giao cho Ban Giám đốc Công ty thực các biện pháp cần thiết để bảo đảm kế hoạch 2017 như đã được phê duyệt. - Đối với báo cáo công nợ: Yêu cầu Ban Giám đốc Công ty thực hiện đôn đốc thu hồi công nợ như đã được HĐQT phê duyệt.
7	17/8/2017	- Ủy quyền cho Giám đốc Công ty quyết định việc mở bảo lãnh và các vấn đề liên quan đến mở bảo lãnh tại ngân hàng. - Thời hạn ủy quyền đến 31/12/2018

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng CP SH		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ	
1	Ông Nguyễn Công Luận	TB	0		
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	KSV	0		
3	Bà Yang xing Qiong	KSV	0		

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát: .

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông: BKS công ty thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật, kết quả giám sát năm 2017 như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty trong việc lãnh đạo, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của ban lãnh đạo Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty. Giám sát trong việc quản lý, sử dụng nguồn vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Công ty, nhằm đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí, tuân thủ đúng quy định, nội quy, quy chế của Công ty và pháp luật của Nhà nước.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn, minh bạch trong các báo cáo. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017. Báo cáo được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định của Bộ Tài chính.

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Các chỉ số tài chính cho thấy tình hình tài chính năm 2017 của Công ty là lành mạnh, có khả năng thanh toán nợ, Công ty đã bảo toàn vốn.
- Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện theo qui định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- Các quyết định trong quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đảm bảo tuân thủ Điều lệ và pháp luật Nhà nước.
- Hội đồng quản trị tổ chức họp thường kỳ hàng quý, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đã tuân thủ theo đúng Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đã được Ban Giám đốc Công ty triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu.
- Lãnh đạo Công ty cũng đã chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn như: công tác thu hồi công nợ được quan tâm; thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ, đúng quy định.
- Việc trả lương, thưởng và sử dụng các quỹ thực hiện đảm bảo công bằng, minh bạch theo đúng các quy chế đã được phê duyệt. Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật.

- Năm 2017, Ban kiểm soát Công ty tổ chức 01 cuộc họp, nội dung các cuộc họp và kết quả như sau:

Stt	Ngày họp	Nội dung/KQ	
		Nội dung	Kết quả
1	21/4/2017	Bầu trưởng ban KS và triển khai công tác 2017	3/3 đồng ý

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát 2017

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Tên	Lương, thưởng	Thù lao	Tổng cộng	Ghi chú
1	**Ban giám đốc**	**1,374,224,116**	**-**	**1,374,224,116**	
	Bùi Xuân Năng	327 596 353		327,596,353	
	Phạm văn Tuynh	182 488 926		182,488,926	Miễn nhiệm 1/6/2017
	Văn Tuấn Anh	121 668 175		121,668,175	Miễn nhiệm 8/4/17
	Nguyễn Nhật Dương	128 912 906		128,912,906	Bổ nhiệm 13/1/17 Miễn nhiệm 1/6/17
	Chen ZhiBin	360 791 399		360,791,399	Bổ nhiệm 13/1/17
	Lu Zhi Ming	252 766 357		252,766,357	Bổ nhiệm 8/4/17
2	**Hội đồng quản trị**	**276,428,903**	**96,000,000**	**372,428,903**	
	Văn Tuấn Anh	276,428,903		276,428,903	Tính từ 1/4/2017
	Cheung Yisang		24,000,000	24,000,000	
	Liu yongxin Michael		2,000,000	8,000,000	Miễn nhiệm 13/1/17
	Nguyễn Chí Dũng		24,000,000	24,000,000	
	Nguyễn Thành Đôn		2,000,000	2,000,000	Miễn nhiệm 13/1/17
	Gao Zhi Xin		22,000,000	16,000,000	Bổ nhiệm 13/1/17
	Nguyễn Quyết Thắng		22,000,000	22,000,000	Bổ nhiệm 13/1/17
3	**Ban kiểm soát**	**-**	**60,000,000**	**60,000,000**	
	Nguyễn Công Luận		24,000,000	24,000,000	
	Yang Xing Qiong		18,000,000	18,000,000	
	Đỗ Anh Tuấn		6,000,000	6,000,000	Bổ nhiệm 21/4/2017
	Nguyễn Thị Thu Hương		12,000,000	12,000,000	Bổ nhiệm 21/4/2017
	Tổng	**1,650,653,019**	**156,000,000**	**1,806,653,019**	

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán,...)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	TV HĐQT	6.700.000	35.51%	3.350.000	17,753%	Bán CP

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã tuân thủ các quy định về quản trị Công ty. Trong năm, một cán bộ chủ chốt của Công ty đã tham gia khoa dự khóa đào tạo Quản trị tài chính dành cho cán bộ quản lý doanh nghiệp do Tổng công ty Khí tổ chức và một số các khóa tập huấn, phổ biến các nghị định, thông tư mới do UBCKNN, Sở giao dịch CK Hà Nội tổ chức, tuy nhiên vì lý do bận công tác, một số cán cán bộ chủ chốt của Công ty chưa tham gia đủ các khóa tập huấn này.

VI. Báo cáo tài chính/

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế

hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trần Huy Công	**Bùi Thị Thu Hương**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0891-2018-001-1	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1688-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 05 tháng 3 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

2. ***Báo cáo tài chính được kiểm toán/*** (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính …) *Như bản đính kèm*

Nơi nhận:
- UBCKNN;
- Sở GDCK HN;
- HĐQT,BKS (báo cáo);
- Lưu VT. H.03.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0102349... C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Lu Zhiming

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Văn Tuấn Anh	Chủ tịch
Ông Cheung Yipsang	Thành viên
Ông Nguyễn Chí Dũng	Thành viên
Ông Gao Zhixin	Thành viên (bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2017)
Ông Nguyễn Quyết Thắng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2017)
Ông Nguyễn Thành Đôn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2017)
Ông Liu Yongxin Michael	Thành viên (miễn nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Lu Zhiming	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2017)
Ông Văn Tuấn Anh	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08 tháng 4 năm 2017)
Ông Chen Zhibin	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2017)
Ông Phạm Văn Tuynh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2017)
Ông Nguyễn Nhật Dương	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2017)
	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2017)
Ông Bùi Xuân Năng	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0102349865 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ - TP. HÀ NỘI

Lu Zhiming
Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2018

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, P. Láng Hạ,
Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +844 6288 3568
Fax: +844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 608 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM

Trần Huy Công
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

Bùi Thị Thu Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1688-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 05 tháng 3 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**209.414.612.413**	**204.021.753.011**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**4**	**19.710.379.257**	**49.277.750.246**
	1. Tiền	111		14.910.379.257	8.887.750.246
	2. Các khoản tương đương tiền	112		4.800.000.000	40.390.000.000
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**5**	**108.963.392.517**	**85.847.889.002**
	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		108.963.392.517	85.847.889.002
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**56.103.118.510**	**53.982.847.676**
	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	47.116.174.510	50.520.169.562
	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.398.271.916	342.021.807
	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.436.701.205	5.131.973.794
	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.848.029.121)	(2.023.415.150)
	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	12.097.663
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**9**	**22.378.495.178**	**14.081.551.178**
	1. Hàng tồn kho	141		22.378.495.178	14.081.551.178
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	150		**2.259.226.951**	**831.714.909**
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	687.007.127	775.172.581
	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.572.219.824	45.818.720
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	-	10.723.608
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**41.040.673.847**	**38.033.114.301**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	210		**1.286.420.658**	**2.546.475.949**
	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	5.441.215.962	9.812.679.606
	2. Phải thu dài hạn khác	216	7	85.295.872	70.995.872
	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	8	(4.240.091.176)	(7.337.199.529)
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**17.810.857.237**	**8.777.214.742**
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	16.910.777.280	7.770.107.463
	- Nguyên giá	*222*		*25.420.673.889*	*14.589.561.181*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(8.509.896.609)*	*(6.819.453.718)*
	2. Tài sản cố định vô hình	227		900.079.957	1.007.107.279
	- Nguyên giá	*228*		*1.408.758.913*	*1.403.925.313*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(508.678.956)*	*(396.818.034)*
III.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**1.340.663.067**	**1.340.663.067**
	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.340.663.067	1.340.663.067
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**5**	**91.591.658**	**7.152.141.301**
	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		91.591.658	7.152.141.301
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**20.511.141.227**	**18.216.619.242**
	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	20.436.578.562	18.082.541.839
	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		74.562.665	134.077.403
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		**270**		**250.455.286.260**	**242.054.867.312**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**39.736.205.081**	**33.722.173.700**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**39.139.902.546**	**32.758.891.873**
	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	29.144.709.590	22.951.249.510
	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.882.099.669	2.320.961.167
	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	735.170.025	31.490.966
	4. Phải trả người lao động	314		970.218.817	1.891.913.474
	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	627.492.400	218.421.119
	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		254.153.661	258.510.486
	7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	3.027.553.239	2.995.035.851
	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	454.299.945	380.978.100
	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		44.205.200	1.710.331.200
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**596.302.535**	**963.281.827**
	1. Phải trả dài hạn khác	337	16	53.581.930	73.904.987
	2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	17	542.720.605	889.376.840
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**210.719.081.179**	**208.332.693.612**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**18**	**210.719.081.179**	**208.332.693.612**
	1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		188.700.000.000	188.700.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*188.700.000.000*	*188.700.000.000*
	2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.480.000.000	15.480.000.000
	3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.596.615.372	2.596.615.372
	4. Quỹ khác của chủ sở hữu	420		337.031.314	337.031.314
	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.605.434.493	1.219.046.926
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*1.217.178.563*	*1.205.236.167*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*2.388.255.930*	*13.810.759*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		**440**		**250.455.286.260**	**242.054.867.312**

Phan Ngọc Lan	Đặng Thái Hà	Lu Zhiming
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 05 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**319.543.946.584**	**484.058.122.830**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	**20**	**319.543.946.584**	**484.058.122.830**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	298.804.534.377	463.674.935.057
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**20.739.412.207**	**20.383.187.773**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	7.321.130.417	9.095.580.258
7. Chi phí tài chính	22		3.659.175	121.770.128
8. Chi phí bán hàng	25	24	12.273.686.706	12.674.611.308
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	13.327.334.976	20.573.742.024
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	**30**		**2.455.861.767**	**(3.891.355.429)**
11. Thu nhập khác	31	25	1.026.960.947	4.122.444.448
12. Chi phí khác	32	26	205.797.938	100.065
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**821.163.009**	**4.122.344.383**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**3.277.024.776**	**230.988.954**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	673.254.108	206.695.598
16. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		59.514.738	(134.077.403)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**2.544.255.930**	**158.370.759**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**28**	**126**	**1**

Phan Ngọc Lan	**Đặng Thái Hà**	**Lu Zhiming**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 05 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	352.081.396.344	585.707.798.692
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(348.652.082.367)	(618.485.192.879)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(14.950.674.786)	(14.087.377.999)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(88.236.548)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(689.659.099)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.897.033.591	1.846.155.010
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.746.354.269)	(5.975.445.613)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(14.370.681.487)***	***(51.771.958.436)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.851.574.684)	(136.636.830)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(119.402.842.874)	(42.591.591.658)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	103.347.889.002	40.846.488.596
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.735.346.431	7.175.171.812
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(15.171.182.125)***	***5.293.431.920***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	19.207.497.152
2. Tiền chi nợ gốc vay	34	-	(19.207.497.152)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(22.951.050)	(3.729.430.870)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(22.951.050)***	***(3.729.430.870)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	**50**	**(29.564.814.662)**	**(50.207.957.386)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**49.277.750.246**	**99.463.918.126**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.556.327)	21.789.506
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**	**19.710.379.257**	**49.277.750.246**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Phan Ngọc Lan	**Đặng Thái Hà**	**Lu Zhiming**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 05 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty") hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 4 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty là 188.700.000.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 29 tháng 12 năm 2010 với mã chứng khoán là PCG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 104 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 97).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy, thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh gas;
- Tư vấn, lập dự án đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống, thiết bị công nghệ phục vụ cung cấp, sản xuất khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Kinh doanh và vận chuyển qua mạng đường ống, xe bồn chuyên dụng, tàu hỏa chuyên dụng và các loại khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME); vận chuyển bình khí bằng xe tải;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất, phụ kiện ngành khí; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Xây dựng kho bãi, trạm chiết nạp phục vụ cho hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Đào tạo lao động phục vụ ngành khí (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: môi giới, định giá, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản (không bao gồm hoạt động môi giới giá đất);
- Kinh doanh thiết bị chuyển đổi từ nhiên liệu xăng, diesel sang LPG, CNG, LNG;
- Dịch vụ tư vấn, thi công, lắp đặt, cung cấp thiết bị hệ thống điều hòa không khí, điện, nước, thang máy, trang trí nội ngoại thất, thiết bị phòng cháy, chữa cháy;
- Thi công, lắp đặt, đầu tư và vận hành hệ thống thiết bị cung cấp LPG cho khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế, lắp đặt thiết bị, công nghệ hệ thống thi công khí gas công trình xây dựng;
- Giám sát thi công, xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là lắp đặt hệ thống gas trung tâm và kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4113029854 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2007, thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 11 năm 2012.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay Số năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng phản ánh chi phí thuê 508 m^2 văn phòng tại tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2010. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	473.271.169	742.285.172
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.437.108.088	8.145.465.074
Các khoản tương đương tiền (*)	4.800.000.000	40.390.000.000
	19.710.379.257	**49.277.750.246**

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng kể từ ngày gửi.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	108.963.392.517	108.963.392.517	85.847.889.002	85.847.889.002
	108.963.392.517	**108.963.392.517**	**85.847.889.002**	**85.847.889.002**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	91.591.658	91.591.658	7.152.141.301	7.152.141.301
	91.591.658	**91.591.658**	**7.152.141.301**	**7.152.141.301**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn thu hồi trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội ("SHB") với số tiền là 81.413.392.517 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 72.570.037.600 VND) và các khoản tiền gửi dài hạn tại SHB với số tiền là 91.591.658 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 152.141.301 VND) đang được dùng làm tài sản đảm bảo cho các chứng thư bảo lãnh của SHB cho Công ty.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội	10.629.867.521	11.799.730.575
- Công ty Cổ phần Dầu khí Delta Việt Nam	-	4.708.045.650
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Dầu khí Việt Hải	3.216.589.389	3.587.100.666
- Các khoản phải thu khách hàng khác	33.269.717.600	30.425.292.671
	47.116.174.510	**50.520.169.562**
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
- Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai	2.250.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Hà Nội	819.102.549	819.102.549
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	423.124.826	3.317.359.214
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khí đốt Nam Việt	-	2.390.138.917
- Ban Quản lý Dự án Thái Hà	-	2.822.493.740
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.948.988.587	463.585.186
	5.441.215.962	**9.812.679.606**

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Lãi dự thu	2.425.340.065	3.840.856.079
- Tạm ứng	841.361.140	1.081.117.715
- Các khoản phải thu khác	170.000.000	210.000.000
	3.436.701.205	**5.131.973.794**
b. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ	85.295.872	70.995.872
	85.295.872	**70.995.872**

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Đối tượng	**VND**	**VND**		**VND**	**VND**	
Phải thu, cho vay quá hạn	**8.434.324.767**	**2.346.204.470**		**12.712.879.372**	**3.352.264.693**	
Ban quản lý Dự án Thái Hà	-	-		2.822.493.740	846.748.122	Trên 2 năm đến dưới 3 năm
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai	2.250.000.000	-	Trên 3 năm	2.883.388.050	865.016.415	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Khí đốt Nam Việt	-	-		2.390.138.917	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Hà Nội	819.102.549	-	Trên 3 năm	819.102.549	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long	4.006.942.801	2.188.576.005	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	3.317.359.214	1.498.992.417	Trên 2 năm đến dưới 3 năm
Các đối tượng khác	1.358.279.417	157.628.465		480.396.902	141.507.739	

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ phải thu bằng giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.753.003.284	-	7.933.396.431	-
Công cụ, dụng cụ	9.154.399	-	9.869.219	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.816.041.771	-	4.364.438.537	-
Hàng hoá	6.800.295.724	-	1.773.846.991	-
Cộng	**22.378.495.178**	**-**	**14.081.551.178**	**-**

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	38.729.132	22.995.446
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	648.277.995	752.177.135
	687.007.127	**775.172.581**
b) Dài hạn		
Tiền thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam	20.117.475.409	17.960.875.332
Chi phí trả trước dài hạn khác	319.103.153	121.666.507
	20.436.578.562	**18.082.541.839**

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	**222.458.772**	**1.494.762.818**	**96.519.090**	**12.775.820.501**	**14.589.561.181**
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	10.795.658.163	10.795.658.163
Mua sắm mới	-	-	35.454.545	-	35.454.545
Số dư cuối năm	**222.458.772**	**1.494.762.818**	**131.973.635**	**23.571.478.664**	**25.420.673.889**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	**222.458.772**	**1.494.762.818**	**94.242.880**	**5.007.989.248**	**6.819.453.718**
Trích khấu hao trong năm	-	-	11.679.925	1.678.762.966	1.690.442.891
Số dư cuối năm	**222.458.772**	**1.494.762.818**	**105.922.805**	**6.686.752.214**	**8.509.896.609**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày cuối năm	**-**	**-**	**26.050.830**	**16.884.726.450**	**16.910.777.280**
Tại ngày đầu năm	**-**	**-**	**2.276.210**	**7.767.831.253**	**7.770.107.463**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với số tiền là 4.270.550.877 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.939.563.674 VND).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trạm cấp gas Phú Mỹ Hưng (*)	1.295.163.067	1.295.163.067
Trạm cấp gas cho Khu đô thị Vĩnh Điềm Trung - Nha Trang	45.500.000	45.500.000
	1.340.663.067	**1.340.663.067**

(*) Phản ánh các khoản chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác liên quan tới việc xây dựng trạm cấp gas Phú Mỹ Hưng của Công ty. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, quá trình thi công của Dự án đang tạm dừng để chờ điều chỉnh quy hoạch. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc xây dựng Dự án trên sẽ tiếp tục được tiến hành trong các năm tới và Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện Dự án này.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	20.431.820.943	20.431.820.943	16.560.377.577	16.560.377.577
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	111.394.125	111.394.125	2.652.895.125	2.652.895.125
Các đối tượng khác	8.601.494.522	8.601.494.522	3.737.976.808	3.737.976.808
	29.144.709.590	**29.144.709.590**	**22.951.249.510**	**22.951.249.510**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải thu/nộp	Số đã thu/nộp	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.723.608	-	10.723.608	-
Cộng	**10.723.608**	**-**	**10.723.608**	**-**
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	20.890.640	521.773.291	542.663.931	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	662.530.500	-	662.530.500
Thuế thu nhập cá nhân	10.600.326	346.646.465	284.607.266	72.639.525
Thuế khác	-	8.833.600	8.833.600	-
Cộng	**31.490.966**	**1.539.783.856**	**836.104.797**	**735.170.025**

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí dự án	312.800.000	-
Chi phí phải trả khác	314.692.400	218.421.119
	627.492.400	**218.421.119**

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Vay mượn LPG	-	4.400.148
Phải trả cổ tức	1.346.218.160	1.370.377.160
Kinh phí công đoàn	235.184.437	225.585.358
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	880.605.144	634.679.397
Phải trả các tổ đội thi công	346.065.800	556.485.352
Các khoản khác	219.479.698	203.508.436
	3.027.553.239	**2.995.035.851**
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	53.581.930	73.904.987
	53.581.930	**73.904.987**

17. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	Dự phòng bảo hành công trình VND
Số dư đầu năm	1.270.354.940
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	549.707.721
Hoàn nhập dự phòng	(823.042.111)
Số dư cuối năm	**997.020.550**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi tiết:		
- Ngắn hạn	454.299.945	380.978.100
- Dài hạn	542.720.605	889.376.840
	997.020.550	**1.270.354.940**

Dự phòng bảo hành công trình là ước tính chính xác nhất của Ban Giám đốc về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành Công ty áp dụng đối với các công trình xây dựng phát sinh lỗi phải bảo hành.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**188.700.000.000**	**15.480.000.000**	**337.031.314**	**2.596.615.372**	**6.206.148.840**	**213.319.795.526**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	158.370.759	158.370.759
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.062.000.000)	(1.062.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.774.000.000)	(3.774.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(144.000.000)	(144.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(165.472.673)	(165.472.673)
Số dư đầu năm nay	**188.700.000.000**	**15.480.000.000**	**337.031.314**	**2.596.615.372**	**1.219.046.926**	**208.332.693.612**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.544.255.930	2.544.255.930
Thù lao Hội đồng Quản trị (i)	-	-	-	-	(156.000.000)	(156.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.868.363)	(1.868.363)
Số dư cuối năm nay	**188.700.000.000**	**15.480.000.000**	**337.031.314**	**2.596.615.372**	**3.605.434.493**	**210.719.081.179**

(i) Ban Giám đốc Công ty quyết định trích các khoản thù lao Hội đồng Quản trị từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	*18.870.000*	*18.870.000*
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	-	-
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	*18.870.000*	*18.870.000*
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 188.700.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ. Cụ thể như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
	VND		VND	
ENN Energy	82.820.000.000	43,9	82.820.000.000	43,9
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	33.500.000.000	17,8	67.000.000.000	35,5
Nguyễn Chí Dũng	7.509.000.000	4,0	7.509.000.000	4,0
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Tú	18.901.000.000	10,0	-	-
Nguyễn Thanh Tú	22.479.000.000	11,9	-	-
Các cổ đông phổ thông khác	23.491.000.000	12,4	31.371.000.000	16,6
	188.700.000.000	**100**	**188.700.000.000**	**100**

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là lắp đặt hệ thống gas trung tâm và kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp. Các hoạt động liên quan đến xây lắp và cung cấp dịch vụ khác cũng là để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chính này. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính và dịch vụ có liên quan.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

20. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**319.543.946.584**	**484.058.122.830**
Doanh thu bán hàng hóa	304.876.809.157	476.458.058.856
Doanh thu hợp đồng xây dựng	13.443.052.901	7.374.273.070
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.224.084.526	225.790.904
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**319.543.946.584**	**484.058.122.830**

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa	287.524.347.518	457.299.771.494
Giá vốn hoạt động xây dựng	11.045.055.678	6.361.963.563
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	235.131.181	13.200.000
	298.804.534.377	**463.674.935.057**

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.319.830.417	9.040.257.172
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.300.000	55.323.086
	7.321.130.417	**9.095.580.258**

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp	7.839.459.944	2.777.652.282
Chi phí nhân công	15.598.283.659	15.695.962.601
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.802.303.813	1.717.901.526
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.356.558.741	14.542.429.040
	40.596.606.157	**34.733.945.449**

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên	4.453.589.002	3.935.021.635
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.715.263.217	7.439.861.091
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	823.418.637	834.213.006
- Các khoản chi phí bán hàng khác	281.415.850	465.515.576
	12.273.686.706	**12.674.611.308**
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên	8.919.853.479	10.668.598.312
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.556.506.689	5.483.509.348
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	902.038.534	883.688.520
- (Hoàn nhập)/Trích lập các khoản dự phòng	(3.272.494.382)	3.316.322.535
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	221.430.656	221.623.309
	13.327.334.976	**20.573.742.024**

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hoàn nhập chi phí bảo hành	823.042.111	4.116.854.922
Thu tiền phạt hợp đồng	195.304.500	-
Thu nhập khác	8.614.336	5.589.526
	1.026.960.947	**4.122.444.448**

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí phạt hợp đồng	205.795.600	-
Chi phí khác	2.338	100.065
	205.797.938	**100.065**

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	**3.277.024.776**	**230.988.954**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Chi phí không được khấu trừ năm 2015 đủ điều kiện khấu trừ năm nay theo Biên bản thanh tra thuế	(442.331.459)	(330.082.705)
Cộng: Chênh lệch tạm thời chi phí tính thuế	630.670.973	-
Chuyển lỗ	(99.093.751)	-
Thu nhập chịu thuế	**3.366.270.539**	**-**
Thuế suất	20%	20%
Điều chỉnh theo Biên bản thanh tra thuế	-	206.695.598
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**673.254.108**	**206.695.598**

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**2.544.255.930**	**158.370.759**
Trừ: Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	(156.000.000)	(144.000.000)
Trừ: Giảm khác	(2.556.327)	-
- Chênh lệch tỷ giá	*(2.556.327)*	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.385.699.603**	**14.370.759**
Cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong năm	18.870.000	18.870.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**126**	**1**

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	612.945.368	612.945.368

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.558.372.667	2.769.545.445
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.441.827.000	6.000.199.667
	6.000.199.667	**8.769.745.112**

Khoản thanh toán thuê hoạt động phản ánh số tiền thuê 508 m^2 diện tích văn phòng tại tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2010.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Chủ sở hữu (chấm dứt là bên liên quan từ ngày 13 tháng 12 năm 2017)
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	Công ty trong cùng Tập đoàn (chấm dứt là bên liên quan từ ngày 13 tháng 12 năm 2017)
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn (chấm dứt là bên liên quan từ ngày 13 tháng 12 năm 2017)
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	Công ty trong cùng Tập đoàn (chấm dứt là bên liên quan từ ngày 13 tháng 12 năm 2017)
Viện Dầu khí Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn (chấm dứt là bên liên quan từ ngày 13 tháng 12 năm 2017)
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Công ty trong cùng Tập đoàn (chấm dứt là bên liên quan từ ngày 13 tháng 12 năm 2017)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Mua hàng	**245.673.642.135**	**445.592.084.971**
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	237.232.036.319	419.551.258.466
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Trung	797.657.119	17.717.736.769
Viện Dầu khí Việt Nam	2.968.984.934	3.011.259.357
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc - Chi nhánh Bắc Bộ	1.588.142.300	1.555.652.786
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông	-	849.580.909
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	878.292.632	879.116.912
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ	401.875.812	581.958.807
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Tây	-	78.115.402
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị trong năm		
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.650.653.019	1.223.405.563
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị	156.000.000	144.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không còn là bên liên quan với các đơn vị sau, tuy nhiên, Ban Giám đốc vẫn trình bày số dư với các đơn vị này cho mục đích so sánh:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả người bán	**20.906.394.882**	**19.569.878.149**
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí	20.431.820.943	16.560.377.577
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Trung	81.513.225	2.572.353.765
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ	29.880.900	73.018.260
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Tây	-	7.523.100
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	221.690.486	221.690.486
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc - Chi nhánh Bắc Bộ	139.416.000	129.084.455
Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	2.073.328	5.830.506

Phan Ngọc Lan	**Đặng Thái Hà**	**Lu Zhiming**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Ngày 05 tháng 3 năm 2018